

Bản án số: 285/2019/DS-ST

Ngày: 31-7-2019

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trịnh Xuân Hương.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Phú Nhuận.

2. Bà Đàm Vân.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Ngọc Phương – Là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa:* Ông Hoàng Thế Đức - Kiểm Sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2019/TLST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2019/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 67/2019/QĐST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh V.

Địa chỉ trụ sở chính: 89 đường Láng H, phường Láng H, quận Đống Đ, Thành phố Hà Nội

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:*

Ông Hồ Đức Đ, sinh năm 1995 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: 89/25 đường số 59, Phường 14, quận Gò V, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Là người đại diện theo ủy quyền, Giấy ủy quyền số: 178/2019/UQ-GĐK-TDTD ngày 20/3/2018).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Minh D, sinh năm 1969 (vắng mặt).

Địa chỉ: 392/8/32 đường Cao T (số cũ 285/87C đường Cách Mạng Tháng T) Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 03/11/2012 ông Nguyễn Minh D có ký hợp đồng tín dụng số 20121118-100060-0066 với Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh V (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) để vay số tiền 25.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 2,92% tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng ông D có trách nhiệm thanh toán số tiền 37.850.000 đồng (gồm vốn gốc là 25.000.000 đồng và lãi là 12.850.000 đồng), trả chậm liên tiếp trong 30 tháng, 29 tháng đầu mỗi tháng trả 1.262.000 đồng, tháng cuối cùng trả 1.252.000 đồng. Thanh toán vào ngày 19 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 19/12/2012.

Thực hiện hợp đồng, ông D đã nhận đủ số tiền vay và đã thanh toán cho Ngân hàng được 26 lần với số tiền là 20.102.000 đồng (tiền gốc 14.730.142 đồng, tiền lãi 5.371.858 đồng). Kể từ ngày 28/4/2018 ông D không thanh toán bất cứ khoản tiền nào cho Ngân hàng, mặc dù Ngân hàng đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở, yêu cầu thanh toán nợ. Tại tòa Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông D phải trả toàn bộ khoản nợ tới hạn là 17.748.000 đồng: Trong đó, nợ gốc là 10.269.858 đồng, nợ lãi còn lại tính đến ngày 19/6/2015 là 7.478.142 đồng. Tiền lãi phát sinh từ ngày 20/6/2015 cho đến khi trả hết nợ Ngân hàng tự nguyện không tính với ông D.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu ý kiến:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến thời điểm hiện nay, thấy rằng Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho các đương sự.

Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án là vi phạm khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ngày hôm nay, bị đơn vắng mặt đến lần thứ 2 mà không có lý do, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh V khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Minh D trả nợ vay, đây là quan hệ pháp luật về “Tranh chấp về hợp đồng

vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10 theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, ông D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án nhưng ông D không cung cấp chứng cứ, không đến Tòa án làm bản khai để phản bác yêu cầu của nguyên đơn, từ bỏ quyền lợi hợp pháp của mình. Do đó Tòa án căn cứ vào các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để giải quyết vụ án. Mặt khác, ông D vắng mặt tại phiên hòa giải nên Tòa án không tiến hành hoà giải được vụ án. Tại phiên tòa ngày hôm nay ông D vắng mặt đến lần thứ 2 mà không có lý do và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Xét Giấy ủy quyền số: 178/2019/UQ-GDK-TDTD ngày 20/3/2019 của ông Lê Hiền T ủy quyền cho ông Hồ Đức Đ tham gia tố tụng giải quyết vụ án là hợp lệ, được Tòa án chấp nhận.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Xét thấy, Hợp đồng tín dụng số 20121118-100060-0066 ngày 03/11/2012 được ký kết giữa Ngân hàng với ông Nguyễn Minh D là hợp đồng vay tín chấp. Ông D vay 25.000.000 đồng của Ngân hàng để tiêu dùng cá nhân và có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng 37.850.000 đồng (gồm vốn gốc là 25.000.000 đồng và lãi là 12.850.000 đồng), trả chậm liên tiếp trong 30 tháng, bắt đầu từ ngày 19/12/2012 đến ngày 19/6/2015.

Sau khi ký kết hợp đồng, ông D đã nhận đủ số tiền vay, tuy nhiên ông D không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Căn cứ vào Bảng thống kê lịch sử thanh toán do nguyên đơn cung cấp và lời khai của nguyên đơn thì từ ngày vay đến ngày 27/4/2018 ông D mới thanh toán cho Ngân hàng được 20.102.000 đồng (tiền gốc 14.730.142 đồng, tiền lãi 5.371.858 đồng). Từ ngày 28/4/2018 ông D không thanh toán bất cứ khoản tiền nào cho Ngân hàng. Ông D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ được thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng được quyền khởi kiện đối với ông D để thu hồi nợ.

[2.2] Xét yêu cầu về tiền gốc: Tại phiên tòa, nguyên đơn đòi bị đơn trả nợ gốc còn lại là 10.269.858 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy ông D vay 25.000.000 đồng của Ngân hàng, hết hạn hợp đồng ông D mới trả cho Ngân hàng được 14.730.142 đồng nợ gốc. Do đó, Hội đồng xét xử cần buộc ông D phải trả cho Ngân hàng số nợ gốc còn lại là 10.269.858 đồng.

[2.3] Xét yêu cầu về tiền lãi: Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 20121118-100060-0066 ngày 03/11/2012 Ngân hàng thỏa thuận với ông D về mức lãi suất vay là 2,92%/tháng. Xét thấy, mức lãi suất mà các bên thỏa thuận là phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có

quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”. Số tiền lãi các bên thỏa thuận trong hợp đồng là 12.850.000 đồng, bị đơn đã trả được 5.371.858 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử cần buộc ông D phải trả cho Ngân hàng số nợ lãi còn lại tính đến ngày 19/6/2015 là 7.478.142 đồng. Tiền lãi phát sinh từ ngày 20/6/2015 cho đến khi trả hết nợ Ngân hàng tự nguyện không tính với ông D. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, sự tự nguyện này không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, đồng thời có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí trên số tiền nguyên đơn yêu cầu được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Án phí dân sự sơ thẩm mà bị đơn phải chịu là 17.748.000 đồng x 5% = 887.400 đồng. Nguyên đơn Ngân hàng không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Nguyễn Minh D có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh V số tiền 17.748.000 đồng (mười bảy triệu, bảy trăm bốn mươi tám nghìn đồng): Trong đó nợ gốc là 10.269.858 đồng (mười triệu, hai trăm sáu mươi chín nghìn, tám trăm năm mươi tám đồng), nợ lãi còn lại tính đến ngày 19/6/2015 là 7.478.142 đồng (bảy triệu, bốn trăm bảy mươi tám nghìn, một trăm bốn mươi hai đồng) thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh V về việc không tính lãi phát sinh đối với ông Nguyễn Minh D từ ngày 20/6/2015 cho đến khi trả hết nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm là 887.400 đồng (tám trăm tám mươi bảy nghìn, bốn trăm đồng) buộc ông Nguyễn Minh D phải chịu. Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 443.700 đồng (bốn trăm bốn mươi ba nghìn, bảy trăm đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0016838 ngày 03/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

***Nơi nhận:***

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 10;
- Chi cục THADS Quận 10;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trịnh Xuân Hương**